

Số: 609/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 595/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Nguyễn Hữu T**; Sinh năm: 1979; Căn cước số 03707900XXXX do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/01/2025.

Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: CHCC số 2710-B2, KPH M (Khu B), phường Y, thành phố Hà Nội.

- **Chị Trần Thị T1**; Sinh năm: 1983; Căn cước công dân số 03418301XXXX do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/06/2023.

Địa chỉ thường trú: CHCC số 2710-B2, KPH M (Khu B), phường Y, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 09/09/2009 của UBND phường P, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội). Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản sau khi ly hôn ngày 04 tháng 05 năm 2026.

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu T và chị Trần Thị T1 đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 09 năm 2009 tại UBND phường P, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Nay hai bên đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ anh chị có nguyện vọng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là có căn cứ.

*Về con chung:* Anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B (Giới tính: Nam, sinh ngày 09/02/2010) và cháu Nguyễn Hữu P (Giới tính: Nam, sinh ngày 10/01/2015). Ly hôn, anh chị thỏa thuận chị Trần Thị T1 sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh T và chị T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về lệ phí:* Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu T và chị Trần Thị T1 xác định tình cảm không còn nên thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B (Giới tính: Nam, sinh ngày 09/02/2010) và cháu Nguyễn Hữu P (Giới tính: Nam, sinh ngày 10/01/2015). Ly hôn, anh chị thỏa thuận chị Trần Thị T1 sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh T và chị T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí:* Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị T1 đã nộp theo biên lai số 0009717 ngày 21/4/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Hà Nội. Anh T đã nộp đủ.

**2. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND phường P, tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Thẩm phán**

**Phạm Thị Thu Ngân**